

Mẫu CBTT - 07

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn
về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO TÀI SẢN

CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1

Tháng 10 năm 2009

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam**
 2 Tên ngân hàng giám sát : **Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)**
 3 Tên Quỹ : **Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1**
 4 Ngày lập báo cáo: 05/11/2009

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI SẢN	KỲ BÁO CÁO Tháng 10/2009	KỲ BÁO CÁO Tháng 09/2009
1	Tiền	118,903,453,207	202,048,018,244
2	Các khoản đầu tư	2,629,688,361,699	2,315,331,004,598
2.1	Trái phiếu	268,436,755,349	268,266,039,349
2.2	Cổ phiếu	2,361,251,606,350	2,047,064,965,249
2.2.1	CP niêm yết	1,943,036,624,400	1,422,058,094,500
2.2.2	CP chưa niêm yết	418,214,981,950	625,006,870,749
3	Cổ tức được nhận	538,680,000	3,796,592,000
4	Lãi được nhận	11,750,396,951	10,076,701,598
4.1	Lãi trái phiếu	11,290,476,000	9,452,140,000
4.2	Lãi TGNH	459,920,951	624,561,598
5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	8,506,771,400	208,390,095,400
6	Các khoản phải thu khác		3,225,000,000
7	Các tài sản khác	92,149,541,096	81,500,000,000
	TỔNG TÀI SẢN	2,861,537,204,353	2,824,367,411,840
STT	NỢ	KỲ BÁO CÁO Tháng 10/2009	KỲ BÁO CÁO Tháng 09/2009
8	Tiền phải thanh toán GD chứng khoán	54,455,693,242	1,125,747,549
8.1	Phải trả GDCK niêm yết	52,424,440,000	
8.2	Phí môi giới GDCK	2,031,253,242	1,125,747,549
9	Các khoản phải trả khác	5,087,705,281	5,115,716,214
9.1	Phí quản lý quỹ	4,678,098,380	4,705,031,969
9.2	Phí lưu ký, giám sát	187,123,935	188,201,279
9.3	Thù lao BDD	46,000,000	46,000,000
9.5	Phí kiểm toán		
9.6	Phải trả khác	176,482,966	176,482,966
	TỔNG NỢ	59,543,398,523	6,241,463,763
	TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	2,801,993,805,830	2,818,125,948,077

11	Tổng số đơn vị quỹ	100,000,000	100,000,000
12	Giá trị của một đơn vị quỹ	28,020	28,181

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM

Mẫu CBTT - 08

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1**

Tháng 10 năm 2009

1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)

3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1

4 Ngày lập báo cáo: 05/11/2009

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO Tháng 10/2009	KỲ BÁO CÁO Tháng 09/2009
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	2,818,125,948,077	2,596,846,861,399
II	Thay đổi trong giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	(16,132,142,247)	221,279,086,678
	Trong đó	-	-
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	(16,132,142,247)	221,279,086,678
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ	-	-
III	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	2,801,993,805,830	2,818,125,948,077
IV	Giá trị của một đơn vị Quỹ	28,020	28,181

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

Mẫu CBTT - 09

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn
về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1 Tháng 10 năm 2009

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
4 Ngày lập báo cáo: 05/11/2009

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO Tháng 10/2009	KỲ TRƯỚC Tháng 09/2009	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM 2009
I	Thu nhập từ hoạt động đầu tư	3,634,704,520	4,931,538,164	66,310,053,109
1	Cổ tức được nhận	254,644,000	3,048,192,000	31,345,483,980
2	Lãi được nhận	3,380,060,520	1,883,346,164	34,963,884,568
2.1	Lãi TGNH	1,541,724,520	677,113,740	15,722,329,144
2.2	Lãi trái phiếu	1,838,336,000	1,206,232,424	19,241,555,424
3	Thu nhập khác			684,561
II	Chi phí	5,277,214,524	5,710,117,603	40,139,018,148
1	Phí quản lý quỹ	4,678,098,380	4,705,031,969	35,303,389,515
2	Phí lưu ký, giám sát	187,123,935	188,201,279	1,519,720,117
3	Các loại chi phí khác	411,992,209	816,884,355	3,315,908,516
	Phí ngân hàng	10,004,836	9,034,695	71,191,431
	Thù lao Ban đại diện	46,000,000	46,000,000	500,000,000
	Phí môi giới bán CK	233,846,349	758,107,945	1,562,919,488
	Phí quản lý niêm yết & lưu ký	4,342,251	3,741,715	55,786,924
	Phí kiểm toán			40,004,041
	Phí họp Đại hội nhà đầu tư thường niên	19,000,000		858,842,481
	Phí họp Ban Đại Diện Quỹ VF1	7,840,396		45,075,877
	CP công tác phí BDD quỹ			63,741,314
	Chi phí khác	90,958,377		118,346,960
III	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I-II)	(1,642,510,004)	(778,579,439)	26,171,034,961
IV	Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	(14,489,632,243)	222,057,666,117	1,078,850,727,521
1	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư	46,688,806,175	152,660,159,134	162,734,582,593
2	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ	(61,178,438,418)	69,397,506,983	916,116,144,928
3	Ghi nhận quyền phát hành thêm cp			

V	Thay đổi của giá trị tài sản ròng của quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III+IV)	(16,132,142,247)	221,279,086,678	1,105,021,762,482
---	---	------------------	-----------------	-------------------

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM